

Bản án số: **398/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 19-8-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ Z

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X -
Thành phố Z.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố Z
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2022/TB-TLVA ngày 06 tháng
4 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
471/2022/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thanh T, sinh năm 1988

Địa chỉ: 243/40C Đường T1, Phường G, Quận X, TP. Z.

Bị đơn: Ông Bành Thiện P, sinh năm 1987

Địa chỉ: 772/7/14 Đường B, Phường H, Quận X-TP. Z.

(Bà T và ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết
vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Thanh T trình bày:

Bà tự nguyện chung sống với ông Bành Thiện P từ năm 2008, có đăng ký kết
hôn tại Ủy ban nhân dân phường BT, Quận S, Thành phố Z. Quá trình chung sống,
giữa bà và ông P không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không có hạnh phúc.
Bản thân ông P không lo tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình dù bà đã nhiều lần
khuyên ngăn. Sau khi sinh con, bà và ông P không thể tiếp tục chung sống nên từ
năm 2013 đến nay, bà T đưa con về nhà ngoại sinh sống, ông bà sống ly thân từ đó

đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Bành Thiện P.

Về con chung: Bà và ông Bành Thiện P có một con chung tên Bành Quốc B1, sinh ngày 02/8/2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà Tkhông yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Vũ Thị Thanh T xác nhận không có.

Bị đơn ông Bành Thiện P vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Bành Thiện P không có văn bản gửi đến Tòa án nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường H, Quận X thì ông Bành Thiện P có hộ khẩu thường trú tại 772/7/14 Đường B, Phường H, Quận X-TP Z thực tế có cư trú tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Z P biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn bà Vũ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bành Thiện P. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và thực tế đang cư trú tại địa chỉ tại 772/7/14 Đường B, Phường H, Quận X-TP Z nên đây là tranh chấp P sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Vũ Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bành Thiện P vắng mặt không có lý do (vắng mặt lần thứ hai). Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Thanh T và ông Bành Thiện P chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường BT, Quận S, Thành phố Z (*Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường BT, Quận S, Thành phố Z cấp ngày 27/5/2008*) nên hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Bà T xác nhận, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với ông P nên xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P đến Tòa để tham dự phiên hòa giải đoàn tụ nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của bà Thảo, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà T và ông P đang sinh sống. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận X cho thấy: “Hiện tại bà T và ông P không sinh sống tại địa chỉ 772/7/14 Đường B, Phường H, Quận X. Trong quá trình sinh sống tại địa phương không có mâu thuẫn gì và địa phương không tiếp nhận yêu cầu hay giải quyết mâu thuẫn vợ chồng của ông P và bà T. Thông tin về con chung của ông P và bà T thì địa phương không nắm thông tin”. Kết quả trả lời xác minh là phù hợp với lời khai của bà Thảo. Trong khoảng thời gian chung sống, ông bà xảy ra mâu thuẫn, xung đột còn ông P nhưng vì thể diện cho gia đình nên bà không trình báo với chính quyền địa phương, can thiệp, hòa giải; Ông bà đã sống ly thân từ 2013. Bà T và con chung đã về sống cùng với gia đình bà.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà T và ông P có một con chung tên Bành Quốc B1, sinh ngày 02/8/2012 (*Giấy khai sinh số 204/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường G, Quận X, Thành phố Z cấp ngày 25/10/2012*). Tại bản tự khai ngày 27/6/2022, trẻ Bành Quốc B1 có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy, việc bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà T xác nhận không có. Ông Bành Thiện P vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó,

Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Vũ Thị Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Thanh T được ly hôn với ông Bành Thiện P.

1.2. Về con chung: Bà Vũ Thị Thanh T và ông Bành Thiện P có một con chung tên Bành Quốc B1, sinh ngày 02/8/2012. Giao trẻ Bành Quốc B1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Thanh T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản vợ chồng: Bà Vũ Thị Thanh T xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí

mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0008781 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị Thanh T và ông Bành Thiện P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh